TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 81/2025/KDTM-PT Ngày: 14/4/2025 V/v Tranh chấp hợp đồng thi công	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Đạt

Các Thẩm phán: 1. Bà Hoàng Thị Bích Thảo

2. Bà Ngô Thị Phúc Hảo

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hân – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Tuyến - Kiểm sát viên

Vào ngày 25 tháng 3 và ngày 14 tháng 4 năm 2025 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/TLPT-KDTM ngày 08/11/2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng thi công".

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 93/2024/KDTM-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1373/2025/QĐXX-PT ngày 10/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2375/2025/QĐ-HPT ngày 05/03/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH D2 - Địa chỉ trụ sở: Số A đường T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh - Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Thanh N - Địa chỉ: Số H S, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Trường Đại học T3 - Địa chỉ trụ sở: Số A N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh - Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc S

hoặc/và ông Nguyễn Ngọc Q -Địa chỉ: Số A N, phường T, Quận G, Tp . (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: T4, địa chỉ trụ sở: Số H T, Quận H, Thành phố Hà Nội - Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh H, địa chỉ: Nhà K, Số A B, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn - Trường Đại học T3.

Tuyên án ngày 14/4/2025.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/08/2019, Công ty TNHH D2 (viết tắt Công ty D2) và Trường Đại học T3 (viết tắt là T3) đã tiến hành ký kết Hợp đồng kinh tế số 22/HĐKT/VV-TĐT về việc thi công nội thất Hội trường Trung tâm G. Thời điểm đó, bên giao thầu là T3 do người đại diện là ông Lê Vinh D, chức vụ Hiệu trưởng tiến hành ký hợp đồng với bên nhận thầu Công ty D2. Căn cứ Điều 1 của Hợp đồng thì T3 giao cho Công ty D2 thi công nội thất Trung tâm G, công trình Ký túc xá Trung tâm G tại địa điểm số A N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng giá trị hợp đồng bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng là 1.100.000.000 đồng. T3 đã thanh toán tạm ứng 30% cho Công ty D2 số tiền là 330.000.000 đồng.

Khi hoàn thành xong các hạng mục công trình, ngày 13/07/2020 Công ty D2 đã chuẩn bị đầy đủ hồ sơ để tiến hành nghiệm thu và các bên đã tiến hành lập biên bản nghiệm thu hoàn thành gói thầu. T3 chấp nhận nghiệm thu hoàn thành gói thầu để đưa vào sử dụng. Sau đó, Công ty D2 đã chuẩn bị hoàn tất hồ sơ thanh toán theo như trong hợp đồng, gửi bảng quyết toán giá trị công trình, bảng quyết toán thanh toán nhưng T3 yêu cầu cung cấp thêm giấy tờ. Khi Công ty D2 cung cấp đầy đủ giấy tờ, gửi bản quyết toán khối lượng, bảng quyết toán thanh toán theo yêu cầu thì T3 lại cố tình im lặng không giải quyết thanh toán. Theo Hợp đồng đã ký, Công ty D2 vẫn thực hiện đúng nghĩa vụ, trách nhiệm bảo hành công trình trong thời gian 24 tháng sau khi nghiệm thu hoàn thành gói thầu đưa vào sử dụng mặc dù phía T3 chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Trong thời gian bảo hành công trình, Công ty D2 nhiều lần trao đổi làm việc thông qua email với ông Lê Bảo D1, địa chỉ email: lebaodan@tdu.edu.vn, số điện thoại: 0902398387 thuộc Ban quản lý dự án của T3 về việc bảo hành công trình, cũng như yêu cầu đại diện phía T3 xác nhận quyết toán khối lượng hạng mục để Công ty D2 xuất hoá đơn và gửi giấy đề nghị thanh toán đối với Hợp đồng. Do quá trình thực hiện hợp đồng phát sinh thêm khối lượng và hạng mục công việc nên khi gửi Bảng quyết toán khối lượng, Bảng quyết toán thanh toán thì ông Lê Bảo D1 nói cần thời gian để làm việc với các phòng ban để đối chiếu, xác nhận rồi phản hồi sau. Sau khi Công ty D2 kết thúc thời gian bảo hành công

trình vẫn không nhận được phản hồi giải quyết việc quyết toán khối lượng hạng mục công việc và thanh toán số tiền 770.000.000 đồng theo Hợp đồng.

Khoảng cuối năm 2020, được biết ông Lê Vinh D không còn giữ chức danh hiệu trưởng, người đại diện của T3. Thay vào đó, ông Trần Trọng Đ là người đại diện và là Hiệu trưởng mới của T3 từ tháng 04 năm 2021. Từ khi thay đổi người đại diện của trường, Công ty D2 đã nhiều lần đến T3 để gặp ông Trần Trọng Đ giải quyết nhưng đều không thành. Mặc dù Công ty D2 đã gửi rất nhiều công văn để yêu cầu T3 giải quyết dứt điểm, thanh toán số tiền còn lại trong hợp đồng nhưng đều không nhận được bất kỳ văn bản trả lời nào để giải quyết về việc chậm thanh toán.

Để thiện chí, Công ty D2 cũng đã rất chủ động gửi công văn đến T3 yêu cầu tổ chức cuộc họp để đưa ra phương án giải quyết thanh toán số tiền 770.000.000 đồng nhưng đều không có kết quả phản hồi. Mặc dù tất cả công văn T3 đều nhận được nhưng lại cố tình im lặng, né tránh, phớt lờ, trốn tránh trách nhiệm. Đại diện phía T3 không có thiện chí thương lượng để giải quyết thanh toán khoản tiền trên. Điều này thể hiện sự thiếu trách nhiệm trong khi công trình hoàn thành đã đi vào hoạt động sử dụng hơn 03 (ba) năm. Công ty D2 đã nỗ lực tối đa để tìm phương án, yêu cầu T3 giải quyết thanh toán số tiền 770.000.000 đồng còn lại nhưng không nhận được bất kỳ sự hợp tác nào từ phía Trường đại học T3.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án Nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, giải quyết và tuyên buộc như sau:

1/ Tuyên buộc T3 có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty D2 số tiền nợ gốc là: 770.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu).

2/ Tuyên buộc T3 có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty D2 tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật tính từ ngày 13/08/2020 là 10%/năm cho đến ngày Toà án sơ thẩm xét xử vụ án, tạm tính từ ngày 13/08/2020 đến ngày 12/05/2024 là 45 tháng với số tiền là 288.750.000 đồng (Hai trăm tám mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn). Tạm tính tổng cộng số tiền T3 phải trả cho Công ty D2 là: 1.058.750.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Giữa T3 và Công ty D2 có ký Hợp đồng kinh tế: 22/HĐKT/VV-TĐT ngày 31/08/2019 để thi công nội thất Hội trường Trung tâm G, thông tin đầy đủ về gói thầu như sau:

- Chủ đầu tư: Trường Đại học T3.

- Đơn vị thi công: Công ty TNHH D2.

- Hợp đồng kinh tế: 22/HĐKT/VV-TĐT.

- Gói thầu: Thi công nội thất hội trường trung tâm G.

- Dự án: Ký túc xá và Trung tâm G.

- Giá trị hợp đồng: 1.100.000.000 đồng.

- Giá trị đã thanh toán: 330.000.000 đồng.

Hiện trạng hồ sơ và những sai phạm, thiếu sót dựa theo kết luận của Đoàn kiểm tra Tổng Liên đoàn trong công tác chuẩn bị dự án

Ngày 07/11/2019, T4 (viết tắt là Tổng Liên đoàn) có Kết luận kiểm tra số 1690/KLKT-TLĐ trong đó xác định nguồn vốn của trường thực hiện là vốn nhà nước ngoài ngân sách vì vậy công tác đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản của T3 phải tuân thủ theo Luật Đầu tư công, Luật xây dựng, Luật đấu thầu. Kết luận cũng nêu rõ: "Chủ đầu tư (Trường T3) đã không tuân thủ Luật đầu tư công, Luật đấu thầu dẫn đến vi phạm và sai phạm trong công tác trình thẩm định thiết kế, dự toán; công tác lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng, công tác nghiệm thu, thành toán… từ đó gây thất thoát trong công tác đầu tư xây dựng".

Tại Thông báo kèm theo Quyết định số 1234/QĐ-TLĐ ngày 24/8/2020 và Công văn số 1265/TLĐ ngày 18/11/2020 Tổng Liên đoàn yêu cầu T3: "rà soát toàn bộ trình tự, thủ tục đầu tư các dự án và thực hiện việc thẩm định dự toán công trình, kiểm tra khối lượng thiết kế, khối lượng hoàn thành và hoàn thiện đầy đủ hồ sơ, tiến hành quyết toán các dự án hoàn thành theo đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu chỉ được phép thành toán với các nhà thầu, nhà cung cấp khi đã đảm bảo đầy đủ điều kiện thanh toán theo đúng quy định của pháp luật".

Thực hiện Kết luận kiểm tra của Tổng Liên đoàn, T3 đã tiến hành rà soát các dự án đang triển khai. Sau khi rà soát, đối với việc thực hiện các gói thầu trên có sai sót đến mức có dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật về đầu tư công và về đấu thầu. Cho đến thời điểm hiện nay, T3 chưa thể thực hiện các thủ tục quyết toán, nghiệm thu khối lượng hoàn thành vì các vướng mắc về mặt thủ tục trong quá trình thực hiện dự án.

Ngoài ra, theo hướng dẫn số 2057/TLĐ ngày 28/5/2021, Tổng Liên đoàn yêu cầu: "Đối với các khoản công nợ của các hợp đồng mua sắm thiết bị, đầu tư xây dựng đang nằm trong danh mục các gói thầu bị sai phạm theo kết luận Kiểm tra số 1690/KLKT-TLĐ ngày 07/11/2019 của Tổng liên đoàn và hồ sơ đang chuyển Cơ quan điều tra (Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu), do vậy Nhà trường dừng thanh toán và chờ đến khi có kết luận chính thức của Cơ quan điều tra."

Các sai sót, sai phạm trong việc thực hiện các gói thầu nêu trên tập trung vào các nhóm sai sót (1) sai sót trong thủ tục đầu tư; (2) sai sót trong đấu thầu. Các sai sót này đã được Tổng Liên đoàn nêu rõ trong Kết luận kiểm tra 1690/KLKT-TLĐ.

Gói thầu không bị ghi nhận cụ thể trong kết luận kiểm tra của Tổng Liên đoàn, tuy nhiên gói thầu này lại thuộc Dự án "Ký túc xá và Trung tâm G" nằm trong kết luận kiểm tra với các sai phạm, thiếu sót trong giai đoạn chuẩn bị dự án như sau:

Thứ nhất, chủ đầu tư (Hiệu trưởng) phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi của 6 dự án, trong đó có dự án Ký túc xá và trung tâm G, đã ký phê duyệt Quyết định số 1328/2017/TĐT-QĐ ngày 05/10/2017 v/v Phê duyệt dự án và Quyết định số 115/2018/TĐT-QĐ ngày 22/01/2018 v/v Phê duyệt điều chỉnh dự án. Theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 57 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi là của cấp quyết định đầu tư (Hội đồng trường).

Thứ hai, chủ đầu tư không thực hiện trình, thẩm định và phê duyệt bổ sung giải pháp chống mối, chống thấm cho công trình.

Thứ ba, không lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán phần công việc phát sinh, bổ sung cho các gói thầu.

Thứ tư, chủ đầu tư không thực hiện lập, trình duyệt, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho toàn bộ dự án là không tuân thủ Khoản 1 Điều 33 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13; Không đăng tải thông tin về đấu thầu (Kế hoạch LCNT, Kết quả LCNT) trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu là không tuân thủ Điểm a, Điểm đ Khoản 1 Điều 8 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13.

Thứ năm, Dự toán xây dựng/Dự toán gói thầu được phê duyệt chỉ trên cơ sở báo cáo thẩm tra của đơn vị tư vấn, không có ý kiến thẩm định của Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ X.

Thứ sáu, gói thầu này đã hoàn thành khối lượng thực hiện theo hợp đồng nhưng các bên chưa thực hiện các bước, quyết toán, thanh lý hợp đồng. Trong khi đó, Hợp đồng đã ký là Hợp đồng theo đơn giá cố định nên khi chưa xác nhận được khối lượng thi công thực tế và chưa quyết toán, thanh lý công trình thì chưa thể tiến hành thanh toán.

Đánh giá chung: Từ những sai sót/sai phạm nêu trên cho thấy gói thầu Thi công nội thất hội trường trung tâm G có dấu hiệu vi phạm pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng và pháp luật về đấu thầu. Trong quan hệ dân sự với Công ty D2, hồ sơ pháp lý của gói thầu trên không đảm bảo tính pháp lý để thực hiện thanh quyết toán. T3 đang rất nỗ lực xin ý kiến từ Cơ quan chủ quản là Tổng Liên đoàn và các cơ quan chuyên môn để có thể khắc phục được các sai sót/sai phạm nêu trên, từ đó, tiến hành thanh quyết toán cho các công trình, các dự án theo đúng pháp luật. Tuy nhiên, cho đến thời điểm này, T3 chưa thể đưa ra các giải pháp khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.

Hiện trạng các nội dung Công ty D2 chưa hoàn thành theo quy định của Hợp đồng số 22/HĐKT/VV-TĐT

Thứ nhất, đến nay Công ty D2 chưa hoàn thành các nội dung công việc theo quy định tại Điều 2, Điều 6 của Hợp đồng số 22/HĐKT/VV-TĐT, cụ thể:

- Tuy T3 đã có Quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, tuy nhiên theo yêu cầu của điều 2 tại Hợp đồng, nhà thầu phải trình bản vẽ

thiết kế chi tiết để Chủ đầu tư duyệt trước khi sản xuất. Hiện nay, gói thầu không có bản vẽ thiết kế chi tiết được Chủ đầu tư phê duyệt.

- Không có các chứng từ liên quan đến nguồn gốc xuất xứ của thiết bị và vật tư đưa vào thi công công trình.

- Không có Tài liệu quản lý chất lượng theo quy định.

- Không có Bảng quyết toán giá trị công trình.

- Không có biên bản thanh lý hợp đồng.

Vì các nội dung công việc chưa hoàn thành theo hợp đồng như đã liệt kê, T3 chưa có căn cứ để tiến hành thanh toán cho Công ty D2 theo quy định.

Về thời gian thi công gói thầu:

Theo điều 3 về tiến độ thực hiện hợp đồng, thời gian thi công là 25 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian thi công bao gồm cả ngày nghỉ nhưng không bao gồm ngày lễ, tết theo quy định. Như vậy, gói thầu trên đã trễ hạn hợp đồng 103 ngày (128 ngày – 25 ngày).

T3 cho rằng:

Thứ nhất, các sai sót/sai phạm nêu trên không chỉ làm cho hồ sơ pháp lý của các dự án trên không đáp ứng được các tiêu chuẩn pháp lý cơ bản của pháp luật để T3 tiến hành thanh quyết toán công trình mà còn đặt ra vấn đề là những sai phạm nêu trên có dẫn đến khả năng thất thoát tài sản Nhà nước không.T3 là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc T4 nên nguồn vốn và tài sản của T3 thuộc sở hữu Nhà nước. Mọi khả năng làm thất thoát tài sản Nhà nước đều có nguy cơ dẫn đến vi phạm nghiêm trọng pháp luật và có khả năng vi phạm pháp luật hình sự.

Mặc dù các hợp đồng được ký kết giữa T3 và Công ty D2 là kết quả của quan hệ dân sự, song có vấn đề quan trọng là các hợp đồng này đều liên quan đến sử dụng nguồn vốn công (Nhà nước) để đầu tư và thực hiện. Các sai phạm về thủ tục đầu tư, về thủ tục đầu thấu như đã nêu là nghiêm trọng vì không tuân thủ đúng pháp luật đấu thầu đối với các gói thầu có sử dụng vốn đầu tư công. Vấn đề là các sai phạm này không thể khắc phục mặc dù T3 đã tìm rất nhiều biện pháp. T3 đề nghị Tòa án xem xét những sai phạm này có ảnh hưởng đến hiệu lực của các hợp đồng mà T3 đã ký với Công ty D2.

Thứ hai, vấn đề quan trọng là việc thanh toán công trình và kết thúc công trình của gói thầu còn liên quan trực tiếp đến các quy định của pháp luật về đầu tư công, về quyết toàn tài sản công, về đấu thầu và pháp luật về xây dựng. Do đó, vấn đề thanh toán không chỉ là quan hệ dân sự giữa hai bên mà còn gắn với thủ tục quyết toán các công trình có vốn Nhà nước. Do đó, trong trường hợp Tòa án nhận thấy đã đủ căn cứ dể tuyên án, chúng tôi rất mong quý Tòa quan tâm đến thủ tục quyết toán công trình trong trường hợp T3 phải thanh toán tiền cho Công ty D2.

Ba là, với hiện trạng các nội dung T3 chưa hoàn thành theo quy định của Hợp đồng, Nhà trường chưa đủ căn cứ để tiến hành thanh toán cho Công ty D2.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, T4 trình bày:

Giữa T3 và Công ty D2 có ký Hợp đồng kinh tế số 22/HĐKT/VV-TĐT ngày 31/8/2019 để thi công nội thất Hội trường Trung tâm G, thông tin về gói thầu như sau:

- Chủ đầu tư: Trường Đại học T3.

- Đơn vị thi công: Công ty TNHH D2.

- Hợp đồng kinh tế: Số 22/HĐKT/VV-TĐT.

- Gói thầu: Thi công nội thất Hội trường Trung tâm G

- Dự án: Ký túc xá và Trung tâm G.

- Giá trị hợp đồng: 1.100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ một trăm triệu đồng)

- Giá trị đã thanh toán: 330.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm ba mươi triệu đồng).

Hiện trạng hồ sơ đối với dự án:

Ngày 07/11/2019, Tổng Liên đoàn ban hành Kết luận kiểm tra số 1690/KLKT-TLĐ trong đó xác định nguồn vốn của T3 là vốn Nhà nước ngoài ngân sách, vì vậy công tác đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản của T3 phải tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu. Kết luận đã nêu rõ:"Chủ đầu tư (Trường T3) đã không tuân thủ Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu dẫn đến vi phạm và sai phạm trong công tác trình thẩm định thiết kế, dự toán, công tác lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng, công tác nghiệm thu, thanh toán… gây thất thoát trong công tác đầu tư xây dựng".

Đánh giá bước đầu, các sai sót, sai phạm trong việc thực hiện các gói thầu nêu trên tập trung vào các nhóm sai sót: (1) sai sót trong thủ tục đầu tư; (2) sai sót trong đấu thầu. Đồng thời, Tổng Liên Đ2 đã chuyển hồ sơ sang Cơ quan điều tra Bộ C (Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu – C03) và đã có văn bản kiến nghị gửi Tòa án Nhân dân tối cao đề nghị Tòa án Nhân dân Tối cao có những chỉ đạo cần thiết đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án Nhân dân Quận 7 để Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án Nhân dân Quận 7 có sự thận trọng khi áp dụng pháp luật giải quyết các vụ án liên quan đến các dự án, công trình có sai phạm theo Kết luận của Tổng Liên đoàn và Thành ủy Thành phố H.

Đối với gói thầu theo Hợp đồng kinh tế số 22/HĐKT/VV-TĐT ngày 31/8/2019, Gói thầu không bị ghi nhận cụ thể trong kết luận kiểm tra của T4, tuy nhiên gói thầu này lại thuộc Dự án "Ký túc xá và Trung tâm G" nằm trong kết luận kiểm tra với các sai phạm, thiếu sót trong quá trình đầu tư dự án như sau:

Thứ nhất, chủ đầu tư (Hiệu trưởng) phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi của 06 dự án, trong đó có dự án Ký túc xá và Trung tâm G, đã ký phê duyệt Quyết định số 1328/2017/TĐT-QĐ ngày 05/10/2017 về việc phê duyệt dự án và Quyết định số 115/2018/TĐT-QĐ ngày 22/01/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 57 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 thẩm quyền phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi phải là của cấp quyết định đầu tư (tức là Hội đồng T3).

Thứ hai, Chủ đầu tư không thực hiện lập, trình duyệt, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho toàn bộ dự án là không tuân thủ khoản 1 Điều 33 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13; Việc không đăng tải thông tin gói thầu về đấu thầu (Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Kết quả lựa chọn nhà thầu) trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu là không tuân thủ điểm a, điểm đ, khoản 1 Điều 8 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13.

Thứ ba, Dự toán xây dựng, dự toán gói thầu được phê duyệt chỉ trên cơ sở báo cáo thẩm tra của đơn vị tư vấn, không có ý kiến thẩm định của Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ X là không tuân thủ pháp luật về xây dựng.

Thứ tư, Chủ đầu tư không lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán phần công việc phát sinh, bổ sung cho các gói thầu; Không thực hiện trình, thẩm định và phê duyệt bổ sung giải pháp chống mối, chống thấm cho công trình.

Thứ năm, Gói thầu này đến nay theo báo cáo đã hoàn thành khối lượng nhưng các bên chưa thực hiện thanh lý hợp đồng, quyết toán, nguyên nhân Hợp đồng đã ký của gói thầu là Hợp đồng theo đơn giá cố định, vì vậy khi các bên tham gia trong hợp đồng ký kết không xác nhận được khối lượng thi công thực tế thì chưa thể thực hiện các thủ tục thanh lý, quyết toán công trình; cũng như không thể tiến hành thanh toán.

Từ những sai sót/sai phạm nêu trên cho thấy gói thầu Thi công nội thất Trung tâm G có dấu hiệu vi phạm pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng và pháp luật về đấu thầu; hồ sơ pháp lý của gói thầu trên không đảm bảo tính pháp lý để thực hiện thanh quyết toán.

T3 là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tổng Liên đoàn, theo quy định của Nhà nước, nguồn vốn và tài sản của Nhà trường được xác định thuộc sở hữu Nhà nước (Tổng Liên đoàn). Vì vậy, các hoạt động về đầu tư, xây dựng T3 phải thực hiện theo các quy định của pháp luật về đầu tư công, quản lý tài sản công. Từ những nội dung đã trình bày như trên, chúng tôi kiến nghị Tòa án Nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, đánh giá một cách khách quan, toàn diện và xét xử theo đúng các quy định của pháp luật đảm bảo khách quan, công bằng, tránh gây thất thoát tài sản nhà nước.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu T3 có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền nợ gốc là: 770.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi

triệu).

Bị đơn: Đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn thiếu theo hợp đồng khi nguyên đơn cung cấp đầy đủ hồ sơ quyết toán.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 93/2024/KDTM-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án Nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công Ty TNHH D2: Buộc Trường Đại học T3 phải trả cho Công Ty TNHH D2 số tiền nợ gốc là 770.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng). Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu Trường Đại học T3 phải thanh toán tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật tính từ ngày 13/08/2020 là 10%/năm cho đến ngày xét xử vụ án tạm tính từ ngày 13/08/2020 đến ngày 12/05/2024 là 45 tháng với số tiền là 288.750.000 đồng (Hai trăm tám mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn).

3. Kể từ ngày Công Ty TNHH D2 có đơn yêu cầu thi hành án nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Trường Đại học T3 phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/10/2024 T3 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 93/2024/KDTM-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, do hiện nay Công ty D2 chưa cung cấp hồ sơ thanh toán theo đúng quy định trong Hợp đồng kinh tế đã ký kết và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán của T3 theo cam kết trong Hợp đồng đã ký giữa T3 và Công ty D2.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm;

- Đại diện nguyên đơn không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý hồ sơ đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác

định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án, tiến hành lập hồ sơ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, việc cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định tại Điều 41 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn vì không có căn cứ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, văn bản trình bày ý kiến của người kháng cáo và lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án Nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định.

[2] Về hình thức: Đơn kháng cáo của Trường Đại học T3 còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận để xem xét lại Bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của T3 yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm vì: Công ty D2 chưa cung cấp hồ sơ thanh toán theo đúng quy định trong Hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Hợp đồng kinh tế số 22/HĐKT/VV-TĐT ngày 31/8/2019 do người đại diện theo pháp luật của Công ty D2 và người đại diện theo pháp luật của T3 ký kết có hình thức, nội dung không trái luật, không vi phạm đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của Điều 385, 389, 403 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phát sinh hiệu lực, có giá trị ràng buộc các bên thực hiện.

[3.2] Tại Điều 6 của Hợp đồng kinh tế số 22/HĐKT/VV-TĐT ngày 31/8/2019 quy định "Hồ sơ thanh toán bao gồm: Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, bảng quyết toán giá trị công trình, biên bản thanh lý hợp đồng, Hóa đơn VAT, Giấy đề nghị thanh toán". Công ty D2 trình bày đã thực hiện việc gửi bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng cho T3 nhưng T3 không nhận và không phản hồi. Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty D2 đã cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm: Biên bản nghiệm thu hoàn thành gói thầu đề ngày 13/7/2020, Bảng quyết toán khối lượng, bảng giá trị quyết toán, thanh toán,

Văn bản thanh lý hợp đồng, Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 06/9/2024, Giấy đề nghị thanh toán đề ngày 06/9/2024, Vận đơn số CP817981612, Phiếu chuyển hoàn số CP817981612. Căn cứ các tài liệu này có cơ sở để xác định nguyên đơn đã hoàn thành hạng mục thi công và đã thực hiện việc gửi Bộ hồ sơ thanh toán theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng.

Theo lời trình bày của đại diện của T4 thì gói thầu theo Hợp đồng kinh tế số 22/HĐKT/VV-TĐT ngày 31/8/2019 không bị ghi nhận cụ thể trong kết luận kiểm tra của T4.

Việc T3 trình bày lý do chưa nhận và thực hiện các thủ tục quyết toán, nghiệm thu khối lượng hoàn thành là vì: Hiệu trưởng trực tiếp ký kết hợp đồng đã không tuân thủ quy trình, thủ tục của T3 và cơ quan chủ quản trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng; T3 đã thay Hiệu trưởng khác nên Hiệu trưởng mới không thể ký các văn bản nghiệm thu, quyết toán với Công ty D2 vì có thể bị xem xét xử lý trách nhiệm. T3, T5 cũng đã trình báo những sai phạm này đến Cơ quan Công an đề nghị xem xét xử lý trách nhiệm hình sự. Xét thấy, những sai phạm này nếu có sẽ thuộc trách nhiệm xử lý trong nội bộ T3 hoặc nếu có vi phạm pháp luật hình sự sẽ do Cơ quan Cảnh sat điều tra có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được Quyết định khởi tố vu án hình sự liên quan đến vụ việc này. Vì vậy, Tòa án vẫn phải xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty D2 theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.3] Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 22/HĐKT/VV-TĐT ngày 31/8/2019 và Phụ lục 1 - bảng tính giá trị Hợp đồng thì hạng mục thi công nội thất Hội trường Trung tâm G với tổng giá trị là 1.100.000.000 đồng. T3 đã thanh toán tạm ứng số tiền 330.000.000 đồng.

Sau khi hoàn thành xong các hạng mục công trình như thỏa thuận, ngày 13/07/2020, Công ty D2 đã cùng T3 tiến hành lập biên bản nghiệm thu hoàn thành gói thầu và T3 đã đưa công trình vào sử dụng. Tại Hồ sơ giá trị quyết toán năm 2020 kèm theo bảng tổng hợp khối lượng quyết toán, diễn giải khối lượng; biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục đưa vào sử dụng công trình ngày 13/7/2020 có nội dung "Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành gói thầu để đưa vào sử dụng" và được các đại diện của hai bên ký xác nhận.

Ngoài số tiền được tạm ứng 330.000.000 đồng, Công ty D2 phải tiếp tục ứng vốn ra để thi công hoàn thiện gói thầu và bàn giao cho T3 sử dụng từ ngày 13/7/2020. Việc T3 đã nghiệm thu, đưa vào sử dụng Hội trường Trung tâm G đến nay đã hơn bốn năm mà vẫn chưa thanh toán phần giá trị hợp đồng còn lại là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, làm thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của Công ty D2. Vì vậy, Tòa án sơ thẩm chấp yêu cầu khởi kiện của Công ty D2 về việc buộc T3 thanh toán số tiền còn nợ 770.000.000 đồng là hợp tình, hợp lý. Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm của T3.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty D2 rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc T3 phải chịu lãi chậm trả cho thấy Công ty D2 đã rất thiện chí trong việc tạo điều kiện cho T3 thanh toán nợ. Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định đình chỉ yêu cầu này của Công ty D2 là phù hợp theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của T3, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về nghĩa vụ chịu lãi của người phải thi hành án do chậm thanh toán trong giai đoạn thi hành án (nếu có) sẽ được điều chỉnh lại cho phù hợp với Điều 306 Luật Thương mại và theo hướng dẫn tại Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do Bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 93, 94, 144, 147, 244, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 280, 306, 357, 385, 389, Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

- Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – Trường Đại học T3, giữ nguyên Bản án sơ thẩm:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công Ty TNHH D2: Buộc Trường Đại học T3 phải trả cho Công Ty TNHH D2 số tiền nợ gốc là 770.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng). Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu Trường Đại học T3 phải thanh toán tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật tính từ ngày 13/08/2020 là 10%/năm cho đến ngày xét xử vụ án tạm tính từ ngày 13/08/2020 đến ngày 12/05/2024 là 45 tháng với số tiền là 288.750.000 đồng (Hai trăm tám mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn).

3. Kể từ ngày Công Ty TNHH D2 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Trường Đại học T3 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

4. Về án phí kinh doanh thương mại:

4.1 Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Trường Đại học T3 phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền 770.000.000 đồng là 34.800.000 đồng (Ba mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Hoàn lại cho Công ty TNHH D2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.881.250 đồng (Hai mươi mốt triệu tám trămm tám mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0019324 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2 Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Trường Đại học T3 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Được cấn trừ vào số tiền 2.000.000 đồng Trường Đại học T3 đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019915 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA DS TP.HCM;
- TAND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Quốc Đạt